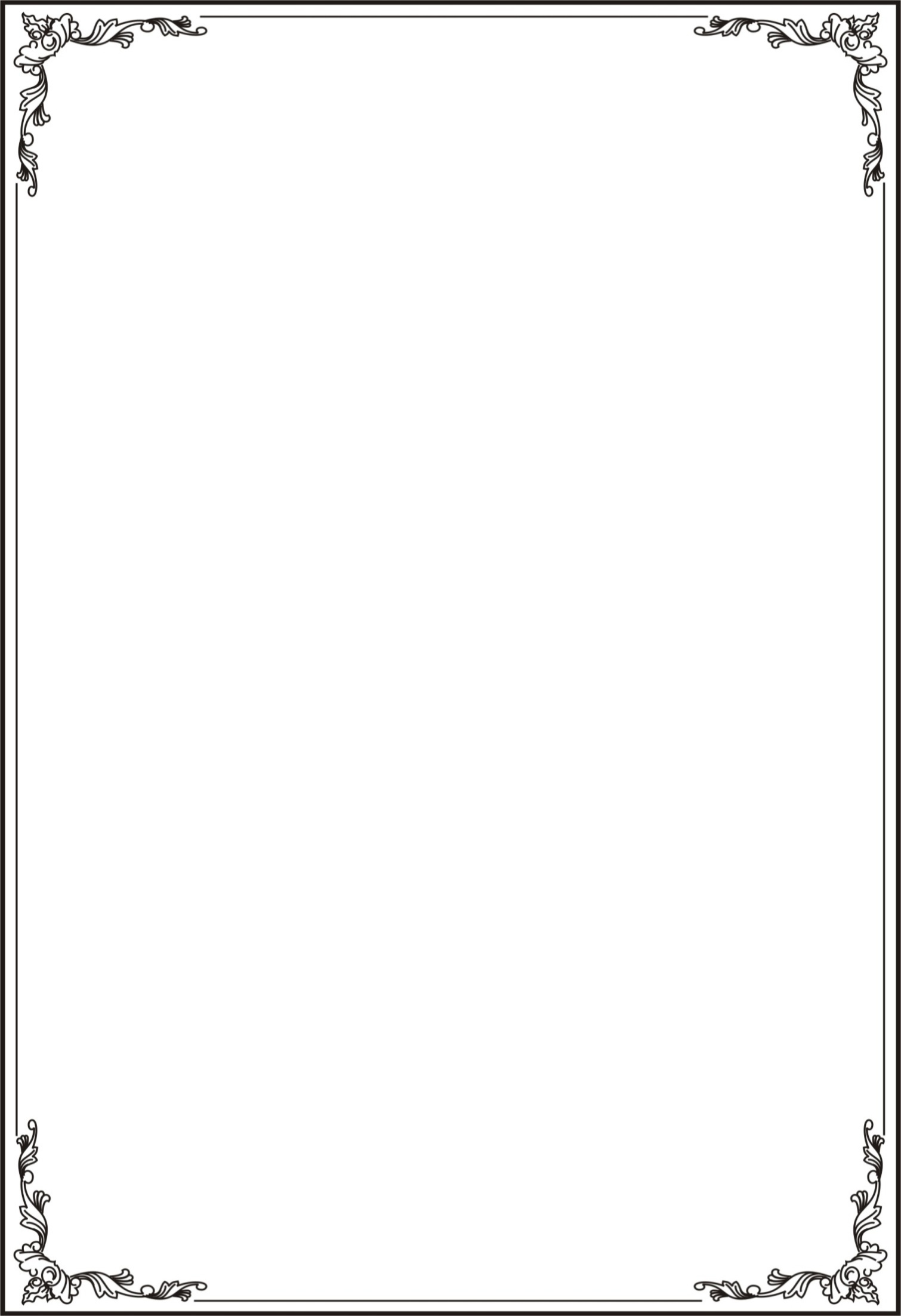
****

UBND TỈNH NINH BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CÔNG TY CP CẤP, THOÁT NƯỚCĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP, THOÁT NƯỚC NINH BÌNH**

***Ninh Bình, tháng5 năm 2015***

**MỤC LỤC**

[PHẦN MỞ ĐẦU 4](#_Toc419215344)

[CHƯƠNG I 4](#_Toc419215345)

[ĐIỀU KHOẢN CHUNG 4](#_Toc419215346)

[Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 4](#_Toc419215347)

[Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện. 5](#_Toc419215348)

[Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 5](#_Toc419215349)

[Điều 4. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác 5](#_Toc419215350)

[CHƯƠNG II 5](#_Toc419215351)

[MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH 5](#_Toc419215352)

[VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5](#_Toc419215353)

[Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty. 5](#_Toc419215354)

[Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 6](#_Toc419215355)

[CHƯƠNG III 6](#_Toc419215356)

[VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG 6](#_Toc419215357)

[Điều 7. Vốn điều lệ. 6](#_Toc419215358)

[Điều 8. Cổ phần 7](#_Toc419215359)

[Điều 9. Chứngchỉ cổ phiếu. 7](#_Toc419215360)

[Điều 10. Chào bán cổ phần 8](#_Toc419215361)

[Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần. 9](#_Toc419215362)

[Điều 12. Thừa kế cổ phần. 10](#_Toc419215363)

[Điều 13. Cổ đông 10](#_Toc419215364)

[Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông. 11](#_Toc419215365)

[Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông 12](#_Toc419215366)

[Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông 12](#_Toc419215367)

CHƯƠNG IV

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

[Điều 17. Các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước 13](#_Toc419215368)

[Điều 18. Nhiệm vụ của Người đại diện 14](#_Toc419215369)

[Điều 19. Quyền hạn của Người đại diện 15](#_Toc419215370)

[Điều 20. Nghĩa vụ của Người đại diện 15](#_Toc419215371)

[Điều 21. Mối quan hệ giữa Người đại diện và Chủ sở hữu phần vốn nhà nước 16](#_Toc419215372)

[CHƯƠNG V 16](#_Toc419215373)

[CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG 16](#_Toc419215374)

[Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý 16](#_Toc419215375)

[Điều 23. Đại hội đồng cổ đông 17](#_Toc419215376)

[Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông. 18](#_Toc419215377)

[Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được uỷ quyền 19](#_Toc419215378)

[Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. 20](#_Toc419215379)

[Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. 21](#_Toc419215380)

[Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. 21](#_Toc419215381)

[Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22](#_Toc419215382)

[Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22](#_Toc419215383)

[Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 24](#_Toc419215384)

[Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 24](#_Toc419215385)

[Điều 33. Hội đồng quản trị. 24](#_Toc419215386)

[Điều 34. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. 25](#_Toc419215387)

[Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị. 25](#_Toc419215388)

[Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị 28](#_Toc419215389)

[Điều 37. Các cuộc họp Hội đồng quản trị. 28](#_Toc419215390)

[Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị. 31](#_Toc419215391)

[Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. 31](#_Toc419215392)

[Điều 40. Giám đốc. 31](#_Toc419215393)

[Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác. 33](#_Toc419215394)

[Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan. 34](#_Toc419215395)

[Điều 43. Ban Kiểm soát. 35](#_Toc419215396)

[Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. 36](#_Toc419215397)

[Điều 45. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát. 37](#_Toc419215398)

[Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát. 37](#_Toc419215399)

[CHƯƠNG VI 38](#_Toc419215400)

[LAO ĐỘNG 38](#_Toc419215401)

[Điều 47. Quyền của người lao động trong Công ty. 38](#_Toc419215402)

[Điều 48. Nghĩa vụ của người lao động. 39](#_Toc419215403)

[CHƯƠNG VII 39](#_Toc419215404)

[Điều 50. Quỹ dự trữ 40](#_Toc419215405)

[Điều 51. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận. 40](#_Toc419215406)

[KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG TY 40](#_Toc419215407)

[Điều 52. Năm tài khóa. 40](#_Toc419215408)

[Điều 53. Hệ thống kế toán 40](#_Toc419215409)

[Điều 54. Báo cáo hàng năm. 40](#_Toc419215410)

[Điều 55. Trả cổ tức. 41](#_Toc419215411)

[Điều 56. Chấm dứt hoạt động 41](#_Toc419215412)

[Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông 42](#_Toc419215413)

[Điều 58. Gia hạn hoạt động 42](#_Toc419215414)

[Điều 59. Thanh lý 42](#_Toc419215415)

[CHƯƠNG X 43](#_Toc419215416)

[GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 43](#_Toc419215417)

[Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ. 43](#_Toc419215418)

[CHƯƠNG XI 43](#_Toc419215419)

[CÁC VẤN ĐỀ KHÁC 43](#_Toc419215420)

[Điều 61. Tiếp nhận và công bố thông tin. 43](#_Toc419215421)

[Điều 62. Kế thừa. 44](#_Toc419215422)

[Điều 63. Con dấu 44](#_Toc419215423)

[Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 44](#_Toc419215424)

[Điều 65. Ngày hiệu lực 44](#_Toc419215425)

[Điều 66. Điều khoản cuối cùng 44](#_Toc419215426)

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP, THOÁT NƯỚC NINH BÌNH**

# 

# PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số ................/QĐ-UBND ngày ................. của UBND tỉnh Ninh Bình Về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Ninh Bình thành Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình.

Điều lệ này được Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình thông qua hợp lệ tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình vào ngày ................../2015.

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này, được xây dựng trên cơ sở các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ là cơ sở và căn cứ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Công ty.

# CHƯƠNG I

# ĐIỀU KHOẢN CHUNG

## Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1.1. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11.

1.3. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.4. “Người quản lý Công ty” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Hội động quản trị công ty.

1.5. “Cổ đông” là bất kỳ tổ chức, cá nhân đăng ký tên trong sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

1.6. “Cổ đông phổ thông” là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông

1.7. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

1.8. “Người đại diện theo uỷ quyền” là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.9. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện.

1. Tên Công ty.

1.1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP, THOÁT NƯỚC NINH BÌNH

- Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY NƯỚC SẠCH NINH BÌNH

1.2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NINH BÌNH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

1.3. Tên Công ty viết tắt: NBWSSC

2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ:Đường Võ Thị Sáu, Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: (030).3871.053 - Fax: (030).3871.033

- Email: [capnuocnb@gmail.com](mailto:capnuocnb@gmail.com).

- Website: www.capnuocninhbinh.tha.vn

Việc di dời trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và trong phạm vi luật pháp cho phép.

## Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịchHội đồng quản trị Công ty.

## Điều 4. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

1. Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ hoạt động của các tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2.Công ty tôn trọng và có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

3.Mối quan hệ của Công ty với các tổ chức trên được xây dựng và thực hiện theo điều lệ của tổ chức đó, điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

# CHƯƠNG II

# MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH

# VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

1.1. Tối đa hóa lợi nhuận.

1.2. Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

1.3. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác được Chủ sở hữu vốn Nhà nước giao để hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ dân sinh theo hướng tăng trưởng và phát triển.

- Hoạt động theo pháp luật, phù hợp với cơ chế thị trường, bảo toàn và phát triển vôn; tạo công ăn việc làm ổn định với thu nhập ngày càng cao cho người lao động; xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

2.1.Khai thác, xử lý và cung cấp nước:

2.2.Thoát nước:

2.3. Xử lý nước thải:

2.4. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước:

2.5. Thiết kế:

- Thiết kế các công trình cấp thoát nước có lưu lượng nhỏ hơn 15.000m3/ngày đêm.

2.6. Tư vấn giám sát:

- Tư vấn, giám sát công trình xây lắp ngành nước.

2.7. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng:

- Sản xuất nước tinh khiết.

2.8 Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

## Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

# CHƯƠNG III

# VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

## Điều 7. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

2. Vào ngày thông qua Điều lệ này: Vốn điều lệ của Công ty là ............... đồng (....................... đồng chẵn).

3. Điều chỉnh vốn điều lệ:

3.1. Ngoài vốn điều lệ đăng ký ban đầu, Công ty được quyền huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh lại để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

3.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Đăng ký Doanh nghiệp.

4. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11.

## Điều 8. Cổ phần

1. Cổ phần:

Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

2. Vào ngày thông qua Điều lệ này. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành ............ cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VNĐ.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## Điều 9. Chứngchỉ cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ chứng nhận sở hữu cổ phần (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần, loại cổ phần họ sở hữu.

2. Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình phát hành 2 loại Chứng chỉ cổ phiếu là:

2.1. Chứng chỉ cổ phiếu ghi danh.

2.2. Chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh.

3. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là Chứng chỉ cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại và chứng chỉ cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

7.1. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ.

7.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

7.3. Thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

## Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

1.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ.

1.2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.

1.3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác và xác nhận bằng văn bản.

1.4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ hiện có của họ ở Công ty.

3. Cổ phần được coi là đã bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty khi đã thanh toán đủ và những thông tin về người mua (gồm họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là cá nhân; họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là tổ chức) được ghi đúng, ghi đủ vào sổ Đăng ký cổ đông; Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại cổ phiếu (nếu cần).

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

3.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

3.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

4.1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định;

4.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

4.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Công ty;

- Tổng số cổ phần mua lại;

- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;

- Thời hạn và thủ tục thanh toán;

- Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Công ty.

Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4.4. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

## Điều 12. Thừa kế cổ phần.

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử Đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các qui định của pháp luật.

4. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau 2 năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của họ sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá thị trường.

## Điều 13. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông của Công ty cổ phần Cấp, Thoát nước Ninh Bình là cổ đông phổ thông.

3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ Đăng ký cổ đông lưu trữ tại Công ty.

4. Người đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đôngtheo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao theo quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

## Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông.

Cổ đông là người chủ sở hữuCông ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

1.1. Cổ đông được quyền tham dự và phát biểu, biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để đảm bảo hoạt động sản xuất không bị gián đoạn các Cổ đông ủy quyền cho các đại diện tham gia Đại hội cổ đông.

1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu.

1.4. Được chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

1.5. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

1.6. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền sau:

2.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3, Điều 33 và khoản 3, Điều 43 Điều lệ này;

2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

2.3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

2.3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

2.3.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Các quyền khác theo Quy định của Pháp luật hiện hành và của Điều lệ này.

## Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày đấu giá; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

5.1. Vi phạm pháp luật.

5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

7. Các nghĩa vụ khác của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG IV**

**QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY**

## Điều 17. Các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước

1. UBND tỉnh Ninh Bình là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty. UBND tỉnh Ninh Bình quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Chủ sở hữu nhà nước giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát,. Đề cử để bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp , Phó giám đốc, kế toán trưởng. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp, phó giám đốc, kế toán trưởng; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốcdoanh nghiệp, kế toán trưởng;

đ) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm;

e) Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

g) Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm;

i) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

5. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## Điều 18. Nhiệm vụ của Người đại diện

1. Thực hiện quyền của cổ đông do Chủ sở hữu giao:

a) Người đại diện tại doanh nghiệp phải xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước bằng văn bản để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.

2. Trách nhiệm báo cáo của Người đại diện.

a) Các hình thức Báo cáo

- Báo cáo định kỳ (hàng Quý, năm): trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác của doanh nghiệp, định kỳ (Quý, năm), Người đại diện có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành về Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Chủ sở hữu phần vốn nhà nước có thể căn cứ tỷ lệ vốn góp của nhà nước trên vốn điều lệ của doanh nghiệp để quy định cụ thể các chỉ tiêu Người đại diện phải báo cáo.

Thời hạn Người đại diện gửi báo cáo cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Báo cáo theo yêu cầu đột xuất:

Căn cứ mục đích quản lý của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, trên cơ sở quy định hoặc thông báo bằng văn bản của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Người đại diện cung cấp các thông tin có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính của doanh nghiệp. Khi được yêu cầu, Người đại diện có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung như yêu cầu của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước.

- Báo cáo bất thường:

Người đại diện có trách nhiệm, nghĩa vụ báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước những thông tin bất thường có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp, của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Người đại diện có được các thông tin bất thường của doanh nghiệp như: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong tỏa; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; có quyết định khởi tố đối với Ban quản lý điều hành doanh nghiệp, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Toà án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động, các nội dung bất thường khác (nếu có).

b) Phương thức báo cáo

- Người đại diện báo cáo Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước về nội dung đã báo cáo.

- Các văn bản xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Người đại diện theo quy định của pháp luật hiện hành phải gửi đến cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước với thời hạn ít nhất trước 05 ngày làm việc (theo dấu công văn đến) để Chủ sở hữu phần vốn nhà nước có ý kiến (trừ trường hợp đã ghi rõ thời hạn).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp [Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có)], Người đại diện phải gửi Biên bản cuộc họp và các tài liệu liên quan khác đến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước.

Trường hợp không thể đảm bảo thời gian đã nêu vì lý do bất khả kháng thì Người đại diện phải thông báo cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước thông qua các phương tiện thông tin (điện thoại, fax, email) để Chủ sở hữu phần vốn nhà nước có ý kiến.

- Đối với các thông tin, tài liệu mật, việc cung cấp thông tin giữa Người đại diện với Chủ sở hữu phần vốn nhà nước hoặc các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 19. Quyền hạn của Người đại diện

1. Được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước xem xét chỉ định tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp theo số cổ phần (mức vốn) được ủy quyền đại diện. Đối với các nội dung phải xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước thì sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước Người đại diện phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước. Trường hợp có nội dung phát sinh thêm chưa xin được ý kiến chỉ đạo thì đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.

3. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), thù lao, các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin do Chủ sở hữu phần vốn nhà nước tổ chức.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp.

## Điều 20. Nghĩa vụ của Người đại diện

1. Người đại diện tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp do mình làm Người đại diện; các quy định của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, các quyền, trách nhiệm của mình.

2. Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi các báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo kịp thời, đề xuất những giải pháp đối với Chủ sở hữu phần vốn nhà nước về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ; không đảm bảo khả năng thanh toán; đầu tư không đúng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu phần vốn nhà nước giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Điều 21. Mối quan hệ giữa Người đại diện và Chủ sở hữu phần vốn nhà nước

1. Chủ sở hữu phần vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Chỉ định hoặc cử Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp;

b) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nhà nước tại doanh nghiệp. Yêu cầu Người đại diện báo cáo (quý, năm) việc thực hiện nhiệm vụ được giao, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Người đại diện.

e) Có trách nhiệm ban hành Quy chế đánh giá Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở đó quyết định việc trả lương, thù lao, tiền thưởng, lợi ích khác (nếu có) cho Người đại diện; quy định bằng văn bản về mối quan hệ giữa Người đại diện với Chủ sở hữu phần vốn nhà nước.

g) Có ý kiến chỉ đạo kịp thời bằng văn bản khi Người đại diện xin ý kiến trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận theo dấu công văn đến hoặc nhận thông báo qua các phương tiện thông tin: điện thoại, fax, email) hoặc thời hạn khác theo yêu cầu để Người đại diện biết và thực hiện. Trường hợp tài liệu không đủ, không có cơ sở để tham gia ý kiến thì trong vòng ba (03) ngày làm việc (kể từ khi nhận được tài liệu, nhận được thông báo qua các phương tiện thông tin), Chủ sở hữu phần vốn nhà nước phải có văn bản để Người đại diện biết và bổ sung hoàn chỉnh tài liệu, thông tin.

h) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung sau đây:

a) Tháng 01 hàng năm, xây dựng chương trình kế hoạch công tác năm báo cáo Chủ sở hữu phần vốn nhà nước.

Trong đóNgười đại diện tại doanh nghiệp phải đề xuất kế hoạch, phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp do mình làm Người đại diện để Chủ sở hữu phần vốn nhà nước phê duyệt nhằm hướng doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu, chiến lược của nhà nước.

b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Người đại diện trình Chủ sở hữu phần vốn nhà nước phê duyệt.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Người đại diện phải gửi cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước báo cáo đánh giá tình hình và nội dung hoạt động của Người đại diện.

# CHƯƠNG V

# CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG

## Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát.

5. Ban Giám đốc.

## Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam

1. Đại hội cổ đông thường niên:

1.1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.1. Trường hợp phát sinh ra những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

2.1.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2.1.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.

2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.

2.1.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Khi yêu cầu triệu tập họp phải lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.

2.1.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có chứng cứ khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định trong Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

2.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.2.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 2.1.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2.1.4 và 2.1.5 Điều này.

2.2.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.1 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.2 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

2.2.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của Hội đông quản trị, Giám đốc Công ty.

1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.

1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

1.5. Báo cáo của các Kiểm toán viên (nếu có).

1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.

2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2.4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2.5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo quyết toán tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2.6. Lựa chọn công ty kiểm toán.

2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.

2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.

2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.

2.12. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

2.13. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.

2.14. Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc của Công ty được Công ty uỷ quyền ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 41 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

2.15. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

3.1. Các hợp đồng quy định tại mục 2.14, mục 1.1 khoản 1 của Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

## Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp, trừ người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần.

2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 14 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

4.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền.

4.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại tiết 2.2.2 hoặc 2.2.3 Mục 2.2 Khoản 2 Điều 23 Bản Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của các cổ đông.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)­. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.

5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

## Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Cổ đông quy định tại khoản 2 điều 14, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của của Điều lệ này.

## Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ toạ, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông:

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ có chức vụ cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

4.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để bầu chủ toạ và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

4.3. Chủ toạ cử một đến hai thư ký, người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

4.4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## 

## Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 24, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

2. Các quyết định của Đại hội cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ trên 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội cổ đông.

## Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

1.1.Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1.1.1.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

1.1.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

1.1.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

1.1.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các quyết định đã được thông qua.

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

1.1.5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

1.1.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

1.1.7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

3. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

## Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông .

1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp.

1.4. Chủ toạ và thư ký.

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1.8. Các quyết định đã được thông qua.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông không làm việc tại Công ty. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công khai tại bảng tin của đơn vị trực thuộc chậm nhất năm (05) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp và duy trì trong thời gian mười lăm (15) ngày. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## Điều 33. Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm năm người (05), do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số cổ phần từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội cổ đông.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên;từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

5.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

5.2. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

## Điều 34. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

1.Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 2/5 thành viên cũ.

## Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Giám đốc và bộ máy quản lý.

4. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

4.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận về quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.

4.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

4.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

4.5. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng.

4.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

4.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 41 Điều lệ này.

4.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, kýhợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Trưởng các phòng, ban; Giám đốccác chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vịtrực thuộc Công ty theo nghị quyết của hội đồng quản trị và đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.9. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

4.10. Quyết định cơ cấu tổ chức; Ban hành định mức, quy chế quản lý nội bộ Công ty và giám sát việc thực hiện các định mức, quy chế đã ban hành; Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

4.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

4.12. Trình báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

4.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

4.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

4.15. Giải quyết các khiếu nại đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan.

4.16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

5.1. Thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc điểm kinh doanh của Công ty.

5.2. Quyết định các Hợp đồng đầu tư, mua, bán, góp vốn liên doanh có giá trị nhỏ hơn 50% tổng tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất và Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng đó.

5.3. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

5.4. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị trên 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

5.5. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính.

5.6. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

5.7. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

5.8. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.

5.9. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo đó sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

## Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch .

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông.

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

2.3. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.4. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

2.5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.6. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

2.7. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

2.8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

## Điều 37. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

3.1. Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) Người quản lý.

3.2. Ít nhất ba (03) thành viên Hội đồng quản trị.

3.3. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất năm (03) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

9.1. Trừ quy định tại Khoản 9.2, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

12.1. Nghe các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

12.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

13.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hộiđồng quản trị.

13.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

## Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị .

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

## Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

1.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

1.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

1.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

1.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm 2/5 so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

## Điều 40. Giám đốc.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3.3. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3.4. Giám đốc không được đồng thời làm Giám đốc của doanh nghiệp khác.

3.5. Là thành viên HĐQT Công ty.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc

Giám đốc có có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

4.1. Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

4.2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.3. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị. (theo quy định tại mục 3a điều 116 Luật doanh nghiệp.

4.4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

4.5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4.6. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

4.7. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế khác trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty;

4.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị vàvới sự chấp thuận của Chủ tịch hội đồng quản trị.

4.9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

4.10. Tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của Công ty.

4.11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4.12. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

4.13. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:

Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

4.14. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.15. Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn thì Giám đốc không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

4.16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

6.1. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

6.2. Để Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Trừ trường hợp đầu tư các dự án lớn hoặc Nhà nước quyết định giá bán nước sạch thấp dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu cổ tức.

6.3. Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành Công ty.

6.4. Không thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện các nhiệm vụ trong hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản Công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty.

6.5. Quyết định miễn nhiệm Giám đốc thông qua khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Giám đốc) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

## Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị,Giám đốc và Người quản lýkhác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý khác và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc,Người quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc Người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

4.1. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

4.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

## Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

1.1. Thông tin chính của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

1.2. Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 25% vốn điều lệ.

2. Người quản lý Công ty được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi biết rằng mình sẽ có lợi ích.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai, công khai quy định tại khoản 1,2,3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai, công khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## Điều 43. Ban Kiểm soát.

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu và bao gồm ba (03) thành viên.

3. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên;từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên.

4. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, nếu Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ cho đến khi có Ban Kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

Ban kiểm soát bầu một trong các thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

4.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát.

4.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.

4.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

5.1 Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

5.2 Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý Công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty.

5.3 Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

5.4. Có trình độ chuyên môn và có năng lực kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

## Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lýCông ty quy định của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Các bộ phận có liên quan phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

11. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

12. Thành viên Ban kiểm soát được trả lương hoặc thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ ngày làm việc dự tính, số lượng tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## Điều 45. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

## Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 5 Điều 43 của Điều lệ này.

2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Có đơn xin từ chức.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu vi phạm các quy định về nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

# CHƯƠNG VI

# LAO ĐỘNG

## Điều 47. Quyền của người lao động trong Công ty.

1. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

2.1. Hội nghị người lao động của Công ty.

2.2. Tổ chức Công đoàn của Công ty.

2.3.Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động thông qua người Đại diện của người lao động (tổ chức công đoàn) có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty ra quyết định các vấn đề sau:

3.1. Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty.

3.2. Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

3.3. Các nội quy, quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

3.4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của công ty.

3.5. Nâng lương, ngạch, khen thưởng, kỷ luật Người quản lý và người lao động trong Công ty.

3.6. Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

4. Ngoài ra người lao động trong Công ty còn có quyền:

4.1. Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

4.2. Thông qua nội dung Thoả ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Giám đốc Công ty.

4.3. Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động.

4.4. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty sử dụng hệ thống thang, bảng lương trong công ty nhà nước làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động; hoặc xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác, tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.

## Điều 48. Nghĩa vụ của người lao động.

1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty; Thoả ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của Công ty.

2. Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao;

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

# CHƯƠNG VII

**PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

**Điều 49. Cổ tức**

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức**.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

## Điều 50. Quỹ dự trữ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế (nếu có) của mình một khoản vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật.

# Điều 51. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VIII**

# KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG TY

## Điều 52. Năm tài khóa.

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

## Điều 53. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## Điều 54. Báo cáo hàng năm.

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn.

4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

## Điều 55. Trả cổ tức.

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức cho cổ đông.

5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Khi trả cổ tức bằng các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền do lỗi thông tin do cổ đông đó cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển.

6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

**CHƯƠNG IX**

**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

## Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1.Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

1.2. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

1.3. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2.Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

## Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

## Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (ba)thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý;

3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

3.3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

3.4. Các khoản vay (nếu có);

3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;

3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.5) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

4.Khi giải thể Công ty, việc thanh lý tài sản Công ty theo phương thức sau:

- Đại hội đồng cổ đông lập ra Ban thanh lý tài sản Công ty. Ban này hoạt động theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

- Sau khi thanh toán hết các khoản nợ, các tài sản còn lại của Công ty được chia lại cho các Cổ đông hoặc bán tài sản lấy tiền chia.

# CHƯƠNG X

# GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

## Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty.

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốcvà người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

# CHƯƠNG XI

# CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

## Điều 61. Tiếp nhận và công bố thông tin.

#### Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông không làm việc tại Công ty và thông báo cho các cổ đông đang làm việc tại Công ty qua các đơn vị trực thuộc và đồng thời công bố trên bảng tin của các đơn vị trực thuộc.

2. Mọi tổ chức cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thưcủa Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

## Điều 62. Kế thừa.

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng được bàn giao từ Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Ninh Bình.

## Điều 63. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## Điều 65. Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua.

## Điều 66. Điều khoản cuối cùng

1. Bản điều lệ này gồm 11 chương 66điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp,Thoát nước Ninh Bình nhất trí thông qua ngày ... tháng .... năm ..... cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh.

- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu bốn (04) thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**Chữ ký của chủ tịch Công ty**

**Đinh Ngọc Vân**